TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 545/2022/HC-PT
Ngày 25 - 7 - 2022
V/v "Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khương

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Mười và ông Dương Tuấn Vinh

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Thân Văn Nhường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Bà Phạm Thị Hồng Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 111/2022/TLPT-HC ngày 10 tháng 3 năm 2022 về việc "Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2022/HC-ST ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1183/2022/QĐ-PT ngày 12 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Bùi Khánh Hòa B, sinh năm 1975;

Địa chỉ: phường P1, Quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh "Vắng mặt".

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị Ngọc S, sinh năm 1960;

Địa chỉ: khóm K1, phường P2, thành phố N, tỉnh Đồng Tháp "Có mặt".

2. Người bị kiện:

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh Đồng Tháp;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Tấn Đ – Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N "Xin vắng mặt".

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H1 – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N "Xin vắng mặt".

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N: Ông Lê Hữu NBV1 – Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố N "Xin vắng mặt".

Cùng địa chỉ: Khóm K1, Phường P2, thành phố N, tỉnh Đồng Tháp.

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Thiện X - Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp "Xin vắng mặt".

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Đỗ Trọng NBV2, Chuyên viên, Chi cục Quản lý đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp "Vắng mặt"..

3. Người kháng cáo: Ông Bùi Khánh Hòa B là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại Đơn khởi kiện ngày 04/3/2021, Đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 04/3/2021, Văn bản ý kiến ngày 23/11/2021, người khởi kiện Bùi Khánh Hòa B trình bày:*

Gia đình ông B có diện tích 149,6m^2, thuộc thửa 327, tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại thị trấn N (nay là phường P2), ngày 06/3/2007 được UBND thị xã N (nay là thành phố N) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AI 147678, số vào sổ cấp GCNQSDĐ: Hoo 1963.

Năm 2011 Nhà nước thi công nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 30. Năm 2017 thi công cống thoát nước vỉa hè Quốc lộ 30 đoạn từ cầu N đến cầu Mười Xình, phường P2, thị xã N, tỉnh Đồng Tháp, thời điểm đó mặt đường Quốc lộ 30 chiều ngang 6m. Diện tích nêu trên của gia đình ông có diện tích chiều ngang 5m, chiều dài 4,5m, diện tích 22,5m^2 trong quy hoạch nhưng Chủ tịch UBND thành phố N căn cứ vào Quyết định số 765 ngày 09/5/2005 của UBND tỉnh Đồng Tháp về việc phê duyệt quy hoạch điều chỉnh tổng thể thị trấn N quy định thì lộ giới toàn tuyến đường cầu N đến cầu Mười Xình là 15m (tính từ tim ra mỗi bên 7,5m), rồi từ đó trở về sau cấp quyền sử dụng đất cho gia đình ông và các hộ trên đoạn đường này mặt đường nhựa Quốc lộ 30 là 15m, sau đó căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để không bồi thường đất cho ông là trái pháp luật.

Ông khiếu nại nhiều lần thì UBND thành phố N ra Quyết định số 10/QĐ-UBND-NC ngày 28/11/2019 của Chủ tịch UBND thành phố N bác đơn khiếu nại của ông. Ông tiếp tục khiếu nại thì Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp ra Quyết định số: 306/QĐ-UBND-NĐ ngày 01/12/2020, giữ nguyên Quyết định số 10/QĐ-UBND-NC ngày 28/11/2019 của Chủ tịch UBND thị xã N.

Do đó, ông yêu cầu Tòa án giải quyết hủy các quyết định: Quyết định số: 10/QĐ-UBND-NC ngày 28/11/2019 của Chủ tịch UBND thành phố N và Quyết định số: 306/QĐ-UBND-NĐ ngày 01/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp về việc giải quyết khiếu nại của ông Bùi Khánh Hòa B.

** Tại Văn bản ý kiến kiến ngày 12/5/2021, người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố N trình bày:* Ngày 22 tháng 8 năm 2019, UBND thị xã N (nay là thành phố N) nhận được đơn khiếu nại của ông B, yêu cầu bồi thường đối với diện tích đất 22,5m^2.

Ngày 12 tháng 9 năm 2019, UBND thành phố N (nay là thành phố N) ban hành Thông báo số 399/TB-UBND về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu.

Ngày 25 tháng 9 năm 2019, cơ quan chuyên môn của UBND thành phố N phối hợp với các ngành liên quan và UBND phường P2 tiến hành đo đạc hiện trạng sử dụng đất thực tế tại thửa đất số 327, tờ bản đồ số 22, đất tọa lạc tại phường P2 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông B. Tại buổi đo đạc cùng có mặt của bà Phạm Thị Ngọc S (Người được ông B ủy quyền), bà Phạm Thị Ngọc S thống nhất theo số liệu của Đoàn đo đạc hiện trạng.

Việc cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cặp Quốc lộ 30 huyện N trước đây (nay là thành phố N) được thực hiện theo Quyết định số 765/QĐ-UB.HC ngày 09 tháng 5 năm 2005 của UBND tỉnh Đồng Tháp, về việc phê duyệt quy hoạch điều chỉnh tổng thể thị trấn N, huyện N, tỉnh Đồng Tháp. Theo đó phần lộ giới toàn tuyến (đoạn cầu N đến cầu Mười Xình) là 15m (tim ra mỗi bên 7,5m). Thực tế phạm vi công trình Quốc lộ 30 đoạn cầu N đến cầu Mười Xình là 15m đã thực hiện từ năm 2005 và đây là phần đất của đường lộ cũ.

Năm 2011, Nhà nước thực hiện láng nhựa trên phần nền mặt đường đất cũ, rải nhựa rộng 6m, gia cố thêm lề mỗi bên 1,5m, kích thước đất là 9m, phần vỉa hè mỗi bên 3m (9m mặt đường + 6m vỉa hè =15m). Năm 2017, Nhà nước chỉ thi công lắp đặt cống thoát nước trên phần 3m vỉa hè của Quốc lộ 30, chứ không mở rộng gì thêm.

Việc thi công nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 30 năm 2011 và thi công cống thoát nước, vỉa hè Quốc lộ 30 năm 2017 đoạn từ cầu N đến cầu Mười Xình thuộc phường P2, thị xã N (nay là thành phố N), tỉnh Đồng Tháp thực hiện hoàn toàn nằm trong phạm vi đất thuộc công trình Quốc lộ 30 là 15m.

Qua đo đạc hiện trạng diện tích đất ông B đang sử dụng đất thực tế, đối chiếu với diện tích đất ông B được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 327, tờ bản đồ số 22 của ông B thì vẫn đảm bảo đúng với kích thước các cạnh và diện tích như Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AI 147678, số vào sổ cấp GCNQSDĐ: Hoo 1963 cấp cho ông B, không ảnh hưởng gì đến quyền lợi của ông B.

Ngày 20 tháng 11 năm 2019, UBND thành phố N tổ chức đối thoại với ông B (ủy quyền cho bà S). Tại buổi đối thoại, UBND thị xã N (nay là thành phố N) cùng các ngành, đoàn thể giải thích, động viên, nhưng bà S không đồng ý.

Căn cứ quy định của pháp luật, UBND thành phố N ban hành Quyết định số 10/QĐ-UBND-NC ngày 28 tháng 11 năm 2019 về việc giải quyết bác khiếu nại của ông Bùi Khánh Hòa B. Do đó việc ông Bùi Khánh Hòa B khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết hủy Quyết định số 10/QĐ-UBND-NC ngày 28 tháng 11 năm của UBND thị xã N (nay là thành phố N), là không có căn cứ.

** Tại Văn bản ý kiến số 271/UBND-TCD-NC ngày 13/5/2021, người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp trình bày:*

Ngày 28 tháng 11 năm 2019 UBND thành phố N ban hành Quyết định số 10/QĐ-UBND-NC ngày 28 tháng 11 năm 2019, giải quyết khiếu nại lần đầu, nội dung: bác đơn khiếu nại của ông Bùi Khánh Hòa B.

Không đồng ý với Quyết định nêu trên của Chủ tịch UBND thành phố N, ông B tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 01 tháng 12 năm 2020, Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp ban hành Quyết định số 306/QĐ-UBND-NĐ giải quyết khiếu nại, nội dung giữ nguyên Quyết định Số 10/QĐ-UBND-NC ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Chủ tịch Ủy nhân dân dân thị xã N.

Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp đề nghị Tòa án giữ nguyên Quyết định số 306/QĐ-UB-NĐ ngày 01 tháng 12 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2022/HC-ST ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã quyết định như sau:

Bác khởi kiện của ông Bùi Khánh Hòa B đối với yêu cầu hủy Quyết định số 10/QĐ-UBND-NC ngày 28/11/2019 của Chủ tịch UBND thành phố N (nay là thành phố N) và Quyết định số 306/QĐ-UBND-NĐ ngày 01/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/01/2022, ông Bùi Khánh Hòa B có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết sửa bản án hành chính sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bà Phạm Thị Ngọc S là người đại diện ủy quyền của người khởi kiện là ông Bùi Khánh Hòa B, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Kết quả đo đạc hiện trạng thực tế diện tích đất ông B đang sử dụng, đối chiếu với diện tích đất ông B được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 327, tờ bản đồ số 22 của ông B thì vẫn đảm bảo đúng với kích thước các cạnh và diện tích như Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp, nên đất của ông B không bị nhà nước lấy để làm cống thoát nước, vỉa hè như ông B khởi kiện, nên đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Trên cơ sở xem xét tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến tranh luận của các bên, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của người khởi kiện ông Bùi Khánh Hòa B đề nghị sửa bản án sơ thẩm, hủy Quyết định số 10/QĐ-UBND-NC ngày 28/11/2019 của Chủ tịch UBND thành phố N và Quyết định số 306/QĐ-UBND-NĐ ngày 01/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp. Hội đồng xét xử xét thấy:

* Về tố tụng:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện, đại diện ủy quyền của người bị kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo theo quy định khoản 4 Điều 225 của Luật tố tụng hành chính.

* Về nội dung:

[2] Xét tính hợp pháp của Quyết định số 10/QĐ-UBND-NC ngày 28/11/2019 của Chủ tịch UBND thành phố N và Quyết định số 306/QĐ-UBND-NĐ ngày 01/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp, thấy rằng: Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành của 02 quyết định giải quyết khiếu nại nêu trên của Chủ tịch UBND thành phố N và Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp là đúng với khoản 1 Điều 18, khoản 2 Điều 21 Điều 27, 29, 30, 31, 36, 38, 39, 40 Luật khiếu nại 2011; Các Điều 5, 6, 7, 8, 9, 11, 14, 18, 21 Thông tư số: 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ về Quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính.

[3] Tuy nhiên, về thời hạn giải quyết khiếu nại là chưa phù hợp với Điều 28, 37 của Luật khiếu nại 2011, nhưng vi phạm này không ảnh hưởng bản chất của vụ việc bị khiếu nại. Vi phạm này Tòa án cấp sơ thẩm đã phát hiện và đã nêu ra để người bị kiện rút kinh nghiệm là phù hợp.

* Về nội dung:

[4] Xét thấy, gia đình ông B có diện tích 149,6m^2, thuộc thửa 327, tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại thị trấn N (nay là phường P2), ngày 06/3/2007 được UBND thị xã N (nay là thành phố N) ngày 06/3/2007 được UBND thị xã N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AI 147678, số vào sổ cấp GCNQSDĐ: Hoo 1963 (Bút lục 51). Theo sơ đồ thể hiện trên Giấy CNQSDĐ có các cạnh như sau: giáp thửa 328 từ vị trí 1 đến vị trí 2 là 29,90m, giáp Quốc lộ 30 từ vị trí 2 đến ví trí 3 là 5m, giáp thửa 223 từ vị trí 3 đến vị trí 4 là 29,98m, giáp hậu từ vị trí 4 đến vị trí 1 là 5m. Có diện tích **149.6m^2.**

[5] Theo Quyết định số 765/QĐ-UBND.HC ngày 09/5/2005 của UBND tỉnh Đồng Tháp phê duyệt quy hoạch điều chỉnh tổng thể thị trấn N (nay là phường P2) quy định lộ giới toàn tuyến đường cầu N đến cầu Mười Xình (tuyến đường nội ô đô thị) là 15m, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AI 147678, số vào sổ cấp GCNQSDĐ: Hoo 1963.

[6] Để có căn cứ xác định quá trình thi công cống thoát nước và vỉa hè Quốc lộ 30 có lấn vào diện tích đất nêu trên của ông B hay không? ngày 25/9/2019 Phòng TN&MT thành phố N đã phối hợp với các phòng, ban chức năng tiến hành đo đạc hiện trạng sử dụng đất của ông B, có bà Phạm Thị Ngọc S được ông quyền ủy quyền tham gia chứng kiến (Bút lục 35). Kết quả đo đạc thể hiện: Phần mặt nhựa Quốc lộ 30 tính từ tim lộ vào 4,7m; phần vỉa hè 2,8m; phần đất của ông B có các cạnh như sau: giáp vỉa hè ngang 5m, giáp hậu ngang 5m (đã có xây bó nền), giáp đất ông Võ Văn Nhơn dài 30,2m, giáp đất ông Lê Văn Út dài 30,2m, diện tích là **150,55m^2**.

[7] Như vậy, so sánh về kích thước các cạnh và diện tích quyền sử dụng đất được cấp (diện tích 149,6m^2) với thực tế đo đạc hiện trạng sử dụng (diện tích 150,55m^2) thì ông B đã sử dụng đất tương đương với quyền sử dụng được cấp, đồng thời từ khi được cấp quyền sử dụng đất đến nay ông B không khiếu nại gì. Trong khi phần đất từ tim mặt lộ nhựa 4,7m và phần vỉa hè 2,8m (4,7+2,8=7,5) là 7,5m (tính từ tim Quốc lộ 30, 7,5m x 2 bên = 15m) đúng bằng chỉ giới lộ giới được quy định tại Quyết định số 765/QĐ-UBND.HC ngày 09/5/2005 của UBND tỉnh Đồng Tháp phê duyệt quy hoạch điều chỉnh tổng thể thị trấn N (nay là phường P2) quy định lộ giới toàn tuyến đường cầu N đến cầu Mười Xình (Tuyến đường nội ô đô thị) là 15m. Phần đất 22,5m^2 mà ông B khiếu nại nằm trong khu vực lộ giới cho nên việc nâng cấp Quốc lộ 30 và làm vỉa hè không xâm phạm đến quyền sử dụng đất của ông Bùi Khánh Hòa B. Nên Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông B yêu cầu hủy các quyết định giải quyết khiếu nại số 10/QĐ-UBND-NC ngày 28/11/2019 của Chủ tịch UBND thành phố N và quyết định số 306/QĐ-UBND-NĐ ngày 01/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ, phù hợp pháp luật. Do đó kháng cáo của ông Bùi Khánh Hòa B là không có căn cứ chấp nhận.

[8] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông B nên phải chịu tiền án phí hành chính phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

[9] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[10] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát đề nghị bác kháng cáo của ông B là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điểm a khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 348; Khoản 1, Điều 241; Điều 242 Luật tố tụng hành chính năm 2015;

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Bùi Khánh Hòa B.

2. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số: 04/2022/HC-ST ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

3. Căn cứ vào quy định tại khoản 4 Điều 82 Luật đất đai; khoản 1 Điều 18, khoản 2 Điều 21, Điều 27, 29, 30, 31, 36, 38, 39, 40 Luật khiếu nại 2011; Thông tư số: 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ về Quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Khánh Hòa B đối với yêu cầu hủy Quyết định số 10/QĐ-UBND-NC ngày 28/11/2019, của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã N (nay là thành phố N) về việc giải quyết khiếu nại của ông Bùi Khánh Hòa B (Lần đầu) và Quyết định số 306/QĐ-UBND-NĐ ngày 01/12/2020 về việc giải quyết khiếu nại của ông Bùi Khánh Hòa B (Lần 2) của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Bùi Khánh Hòa B phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0004601 ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Cục THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS, TVN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Khương